

Số: 03 /BC-TTHC

Sóc Trăng, ngày 11 tháng 7 năm 2019

## BÁO CÁO

### Sơ kết tình hình kết quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công 06 tháng đầu năm 2019

Thực hiện Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) và Quy chế tổ chức, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng (gọi tắt là Trung tâm), Trung tâm báo cáo tình hình kết quả hoạt động 06 tháng đầu năm 2019 như sau:

#### I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM

- Trong 06 tháng đầu năm 2019 năm 2019, Trung tâm đã tiếp nhận 25.031 hồ sơ TTHC, trong đó:

+ Kỳ trước chuyển sang: 2.447 hồ sơ, tiếp nhận mới: 22.575 hồ sơ;

+ Đã giải quyết 21.648 hồ sơ (chiếm 86,48 % trên tổng số 25.031 hồ sơ tiếp nhận); trong đó, trả hồ sơ trước hạn và đúng hạn là 21.578 hồ sơ, chiếm 99,68 %; số hồ sơ đã giải quyết trễ hạn là 70 hồ sơ (chiếm 0,32 %); nguyên nhân quá hạn 13 trường hợp là do cập nhật trên phần mềm chưa kịp thời nhưng thực tế trả đúng hạn, quá hạn 01 trường hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường do yêu cầu bổ sung lần 2, quá hạn 56 trường hợp do chờ kết quả xác minh lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia thuộc Bộ Tư pháp.

+ Đang giải quyết 3.383 hồ sơ (chiếm 13,52 % trên tổng số 25.031 hồ sơ tiếp nhận); trong đó, đang giải quyết còn hạn là 3.355 hồ sơ (chiếm 99,17 %); đang giải quyết quá hạn là 28 hồ sơ (chiếm 0,83 %).

+ Có 27 hồ sơ bị trả lại (chiếm 0,11%) do nội dung chưa đạt yêu cầu theo thẩm định của phòng chuyên môn thuộc Sở hoặc do khách hàng rút hồ sơ.

+ Có 1.980 hồ sơ tiếp nhận qua hình thức trực tuyến (chiếm 7,91 % trên tổng số 25.031 hồ sơ), phổ biến là TTHC ở các Sở: Công Thương, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính,...

*(Đính kèm Phụ lục I).*

- Về thái độ phục vụ của công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm và kết quả đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đến liên hệ thực hiện TTHC: Nhìn chung công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Trung tâm tuân thủ tốt nội quy, quy chế làm việc; đặc biệt là chấp hành nghiêm túc giờ giấc làm việc; có thái độ phục vụ niềm nở, tận tình và trách nhiệm cao với công việc.

- Có 5.841 ý kiến đánh giá của tổ chức, cá nhân đến giao dịch tại Trung tâm thông qua máy đánh giá mức độ hài lòng (chiếm 26,99 % hồ sơ đã giải quyết); kết quả có 99,71 % tổ chức, cá nhân hài lòng với dịch vụ và thái độ phục vụ của nhân viên tại Trung tâm; có 0,29 % không hài lòng về nghiệp vụ nhân viên và thời gian giao dịch (*Đính kèm Phụ lục II*).

- Về tổ chức và hoạt động của Trung tâm:

+ Thực hiện Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm và Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Trung tâm với các Sở, ngành tỉnh trong giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân; Trung tâm ban hành Nội quy làm việc và phân công nhiệm vụ công chức, người lao động thuộc Trung tâm.

+ Trung tâm trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 quy định Nội dung và Mẫu phiếu đánh giá việc giải quyết TTHC của các Sở, ngành tỉnh có TTHC thực hiện tại Trung tâm. Phối hợp các Sở, ngành chấm điểm đánh giá việc giải quyết TTHC của các Sở, ngành tỉnh có TTHC thực hiện tại Trung tâm Quý I, Quý II; báo cáo kết quả chấm điểm về Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh (*Đính kèm Phụ lục IIIa, IIIb*).

- Về công tác phối hợp giữa Trung tâm với các Sở, ngành:

+ Định kỳ hàng quý, Trung tâm báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động, thông báo cho các Sở, ngành tỉnh khi có vướng mắc phát sinh liên quan đến việc thực hiện quy chế phối hợp.

+ Về công bố danh mục TTHC tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm: Trung tâm phối hợp với các Sở, ngành tỉnh niêm yết các TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm.

+ Theo dõi, đôn đốc các Sở, ngành rà soát, xây dựng kịp thời các quy trình nội bộ đối với các TTHC mới ban hành theo Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh và cập nhật quy trình nội bộ đã được phê duyệt lên Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử của đơn vị.

+ Việc thu phí, lệ phí giải quyết TTHC do công chức tiếp nhận hồ sơ thực hiện việc thu phí, lệ phí đúng quy định; định kỳ đăng nộp và báo cáo số liệu, chứng từ về đơn vị theo sự chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị.

+ Các Sở, ngành phối hợp kịp thời trong việc cử công chức dự phòng thay thế trong các trường hợp công chức chính thức bận họp, nghỉ phép hoặc nghỉ đột xuất; kịp thời thông báo cho Trung tâm biết trong các trường hợp công chức nghỉ theo quy định được nêu tại quy chế phối hợp.

+ Việc chuyển phát các văn bản, hồ sơ TTHC từ Trung tâm đến các Sở, ngành và ngược lại được thực hiện kịp thời, định kỳ 04 chuyên/ngày làm việc từ Trung tâm về đơn vị và ngược lại, kể cả trong trường hợp phát sinh hồ sơ cần giải quyết gấp, không để xảy ra việc thất lạc, hư hỏng hồ sơ. Ngoài ra, quầy giao dịch

của bưu điện còn chuyển phát 4.061 kết quả giải quyết TTHC đến tận nhà theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân với mức dịch vụ công khai theo quy định.

- Về trang bị trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm:

Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm được trang bị đồng phục, trang thiết bị làm việc đầy đủ, hiện đại (như máy tính, máy in, máy scan, máy photocopy, điện thoại bàn tại mỗi quầy,...). Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện TTHC như: Trang bị máy lấy số thứ tự giao dịch, máy đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đến liên hệ thực hiện TTHC; hệ thống camera giám sát việc thực hiện TTHC tại Trung tâm,...; công khai số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ hộp thư điện tử, trang bị máy đánh giá mức độ hài lòng để tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC tại Trung tâm.

## **II. ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ**

### **1. Ưu điểm**

- Sau 6 tháng hoạt động, đến nay Trung tâm dần đi vào nề nếp, tiếp tục phối hợp các Sở, ngành triển khai thực hiện tốt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm và Quy chế phối hợp giữa Trung tâm với các Sở, ngành tỉnh trong giải quyết TTHC.

- Việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm được thực hiện nhanh gọn, giúp giảm chi phí, phiền hà cho tổ chức, cá nhân đến liên hệ giải quyết hồ sơ; số hồ sơ trả đúng hạn, trước hạn chiếm tỉ lệ cao (chiếm 99,68 % trên tổng số hồ sơ đã giải quyết). Cơ sở vật chất đáp ứng đầy đủ, trang thiết bị hiện đại góp phần tạo sự hài lòng cho người dân khi đến giao dịch.

- Các công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Trung tâm có thái độ phục vụ tốt, tác phong chuyên nghiệp, sẵn sàng hỗ trợ lẫn nhau trong thực hiện nhiệm vụ; thường xuyên theo dõi, đôn đốc các phòng chuyên môn của đơn vị giải quyết TTHC để trả kết quả cho người dân đúng hạn hoặc trước hạn.

- Hầu hết các Sở, ngành cập nhật kịp thời các TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới lên hệ thống phần mềm một cửa. Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên theo dõi, giải quyết vướng mắc liên quan đến lỗi kỹ thuật của phần mềm, giúp việc tiếp nhận xử lý và trả kết quả hồ sơ được thực hiện nhanh chóng.

### **2. Hạn chế, bất cập**

- Một số công chức bộ phận một cửa chưa thường xuyên theo dõi nhắc nhở phòng chuyên môn của Sở, ngành hoàn tất hồ sơ, chuyển xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử dẫn đến tình trạng chậm cập nhật do đó phần mềm ghi nhận là trả kết quả trễ hạn mặc dù trên thực tế đã trả hồ sơ đúng hạn (có 13 trường hợp).

- Một số Sở, ngành trình cử bổ sung công chức đến làm việc tại Trung tâm nhưng không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, nhất là tiêu chuẩn về thâm niên công tác trong ngành, lĩnh vực được phân công.

- Một số Sở, ngành có phát sinh ít hồ sơ giải quyết TTHC (như Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận 36 hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận 08 hồ sơ, Sở Tài chính nhận trực tiếp 81 hồ sơ,...) nên chưa sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực được cử đến làm việc tại Trung tâm.

- Một số hồ sơ bị trễ hạn phải xin lỗi người dân do phải chờ kết quả phối hợp xác minh của các cơ quan có liên quan (như thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp của Sở Tư pháp quá hạn 56 trường hợp).

- Hiện tại quy trình nội bộ giải quyết TTHC của các Sở, ngành đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, tuy nhiên đến nay còn một số Sở, ngành chưa cập nhật kịp thời vào hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, làm ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận và xử lý trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử (*Đính kèm Phụ lục IV*).

- Một số Sở, ngành rà soát, dự thảo trình UBND tỉnh ban hành các TTHC quy định mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ TTHC hết hiệu lực chưa kịp thời, chưa đồng bộ theo quy định hiện hành, làm ảnh hưởng đến việc cập nhật quy định và hướng dẫn thủ tục cho người dân (như Sở Xây dựng trình rà soát, bãi bỏ TTHC hết hiệu lực nhưng không trình đồng thời sửa đổi, bổ sung một số TTHC lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng).

- Việc tổng hợp, phân tích số liệu đánh giá giải quyết TTHC của một số Sở, ngành tiếp nhận, xử lý TTHC qua hệ thống phần mềm riêng còn gặp khó khăn do Trung tâm chưa được phân quyền theo dõi số liệu này (như Sở Giao thông vận tải sử dụng phần mềm cấp giấy phép lái xe; Sở Kế hoạch và Đầu tư sử dụng phần mềm đăng ký kinh doanh; Sở Tài chính sử dụng phần mềm cấp mã số cho đơn vị có quan hệ với ngân sách...).

- Việc chấm điểm giải quyết TTHC được thực hiện theo các chỉ số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP; tuy nhiên qua việc chấm điểm cho thấy một số TTHC có tính chất đơn giản, không qua nhiều bước thẩm định xử lý hồ sơ lại chiếm điểm ưu thế hơn các TTHC phức tạp phải liên thông nhiều ngành hoặc phải bổ sung nhiều lần (như Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường,...); hầu hết các Sở, ngành không đạt điểm tối đa của chỉ số về cung cấp dịch vụ công trực tuyến do người dân chưa có thói quen đăng ký thực hiện TTHC qua môi trường mạng (*số hồ sơ trực tuyến phát sinh chỉ chiếm 7,91 % tổng số hồ sơ đã tiếp nhận*).

### **III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

#### **1. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét:**

- Chỉ đạo các Sở, ngành tiếp tục phối hợp với Trung tâm thực hiện tốt Quy chế phối hợp, nhất là trong việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC cần đảm bảo đúng hạn; việc cử công chức bổ sung phải đảm bảo các tiêu chuẩn đúng quy định, nhất là tiêu chuẩn về thâm niên công tác, công chức phải có tác phong, thái độ giao tiếp lịch sự, cởi mở, thân thiện, chuẩn mực.

- Điều chỉnh cách thức phân công công chức của các Sở, ngành có phát sinh ít hồ sơ giải quyết TTHC nhằm tránh lãng phí và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực được cử đến làm việc tại Trung tâm.

## **2. Đề nghị các Sở, ngành:**

2.1. Đôn đốc, nhắc nhở công chức tuân thủ giờ giấc làm việc và quy chế làm việc tại Trung tâm; đồng thời quan tâm, tạo thuận lợi cho công chức tham gia sinh hoạt đảng, đoàn thể tại cơ quan; tham gia các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để phục vụ công tác.

2.2. Thường xuyên nhắc nhở các phòng chuyên môn xử lý hồ sơ và cập nhật xử lý trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, tránh tình trạng quá trình xử lý ghi nhận hồ sơ trễ hạn nhưng thực tế là hồ sơ đã trả đúng hạn. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc không tiếp nhận và giải quyết đối với các TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chuyển sang Trung tâm tiếp nhận và trả kết quả.

2.3. Đề nghị các đơn vị kịp thời thông tin, gửi văn bản xin lỗi đến người dân trong trường hợp hồ sơ giải quyết trễ hạn nhằm tạo sự hài lòng cao nhất cho người dân khi đến thực hiện TTHC tại Trung tâm.

2.4. Phối hợp, tạo điều kiện để Trung tâm theo dõi, tổng hợp số liệu về tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trên hệ thống phần mềm riêng của đơn vị nhằm phục vụ công tác chấm điểm đánh giá các quý tiếp theo. Đối với các TTHC mới được ban hành, đề nghị các cơ quan kịp thời xây dựng quy trình nội bộ, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và cập nhật vào hệ thống ngay sau khi được phê duyệt.

2.5. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của đơn vị bằng nhiều hình thức phù hợp (thông qua trang thông tin điện tử, báo đài, cấp phát tài liệu tuyên truyền,...), nhằm nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết TTHC.

2.6. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông định kỳ hằng năm tổ chức 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản trị mạng, công chức một cửa các Sở, ngành nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng, cập nhật các tính năng mới trên phần mềm Một cửa điện tử để phục vụ công tác và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

## **IV. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019**

1. Tổ chức thực hiện tốt Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế phối hợp giữa Trung tâm với các Sở, ngành. Hằng tháng Trung tâm báo cáo, thông tin về các trường hợp tiếp nhận và giải quyết TTHC quá hạn và việc đánh giá không hài lòng (nếu có) đối với bộ phận một cửa của các Sở ngành.

2. Thực hiện việc chấm điểm đánh giá việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, trả kết quả hồ sơ TTHC của các Sở, ngành Quý III, Quý IV năm 2019.

3. Phối hợp Công an tỉnh rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt bổ sung một số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị sang Trung tâm thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC.

4. Kịp thời phối hợp các Sở, ngành niêm yết công khai các TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm.

5. Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc ban hành, cập nhật và thực hiện đúng các quy trình nội bộ giải quyết TTHC của các đơn vị trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử.

6. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đến liên hệ giải quyết hồ sơ bằng các phương thức khác nhau trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và có sự tham gia của tổ chức, cá nhân.

Ứng dụng các dịch vụ tiện ích qua mạng xã hội để hỗ trợ cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC tại Trung tâm. Nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong giải quyết TTHC của các Sở, ngành tỉnh có TTHC thực hiện tại Trung tâm. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền việc giải quyết TTHC tại Trung tâm trên Trang thông tin điện tử Văn phòng UBND tỉnh.

7. Tổ chức đoàn học tập kinh nghiệm tại một số tỉnh, thành có mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả.

8. Báo cáo tình hình hoạt động Trung tâm Quý III, Quý IV năm 2019.

Trên đây là Báo cáo tình hình kết quả hoạt động 06 tháng đầu năm 2019 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Sở Nội vụ (để b/c);
- CVP, các PCVPUBND tỉnh;
- Lưu: HC, TTHC, KSTT.



**Phạm Thị Trinh**

**TRUNG TÂM PHỤ LỤC I**

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

(TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN 15/6/2019)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 03 /BC-TTTC ngày 14/7/2019 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng)

STT	Đơn vị	Số hồ sơ tiếp nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Số hồ sơ đang giải quyết	Hồ sơ bị trả lại	Hồ sơ nhận qua trực tuyến
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết					
			Kỳ trước	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Còn hạn			
1/1	2	3=(4+5)	4	5	6=(7+8+9)	7	8	9	10=(11+12)	11	12	13	14
1	Sở Thông tin và Truyền thông	36	1	35	34	33	0	1	2	2	0	0	0
2	Sở Công Thương	1.135	1	1.134	1.039	885	154	0	96	96	0	2	546
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	178	1	177	173	168	3	2	5	5	0	0	7
4	Sở Giao thông vận tải	14.079	1.947	12.132	11.903	11.900	3	0	2.176	2.176	0	4	619
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.252	13	1.239	1.235	1.076	158	1	17	17	0	0	315
6	Sở Khoa học và Công nghệ	8	0	8	8	7	0	1	0	0	0	0	2
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	463	19	444	407	401	6	0	56	56	0	0	0
8	Sở Nội vụ	508	10	498	491	446	44	1	17	17	0	14	0
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.659	27	1.632	1.606	1.595	10	1	53	53	0	0	0
10	Sở Tài chính	352	18	334	325	325	0	0	27	27	0	1	271
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	204	23	181	148	122	20	6	56	55	1	1	0
12	Sở Tư pháp	3.428	195	3.233	2.941	2.880	5	56	487	460	27	1	192
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	326	4	322	318	318	0	0	8	8	0	0	28
14	Sở Xây dựng	393	43	350	309	309	0	0	84	84	0	4	0
15	Sở Y tế	836	153	683	542	541	0	1	294	294	0	0	0
16	Công an tỉnh	174	1	173	169	166	3	0	5	5	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>25.031</b>	<b>2.456</b>	<b>22.575</b>	<b>21.648</b>	<b>21.172</b>	<b>406</b>	<b>70</b>	<b>3.383</b>	<b>3.355</b>	<b>28</b>	<b>27</b>	<b>1.980</b>
	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>100,00</b>	<b>9,81</b>	<b>90,19</b>	<b>86,48</b>	<b>97,80</b>	<b>1,88</b>	<b>0,32</b>	<b>13,52</b>	<b>99,17</b>	<b>0,83</b>	<b>0,11</b>	<b>7,91</b>

**PHỤ LỤC II**

**THÔNG KÊ SỔ HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG VÀ Ý KIẾN GÓP Ý CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2019 (TỪ 01/01/2019 ĐẾN 30/06/2019)**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 03 /BC-TTHC ngày 11/06/2019 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên đơn vị	Hài lòng với dịch vụ	Hài lòng về thái độ phục vụ	Không hài lòng về nghiệp vụ nhân viên	Không hài lòng về thời gian giao dịch	Ý kiến góp ý	Tổng cộng
1	Sở Thông tin và Truyền thông	85	38	0	0	0	123
2	Sở Công Thương	119	390	1	1	0	511
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	33	103	0	0	0	136
4	Sở Giao thông vận tải	215	157	2	2	0	376
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	614	849	0	1	0	1.464
6	Sở Khoa học và Công nghệ	5	8	0	0	0	13
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	26	66	0	0	0	92
8	Sở Nội vụ	46	31	0	0	0	77
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	524	1.176	2	0	0	1.702
10	Sở Tài chính	11	20	0	0	0	31
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	58	77	0	3	0	138
12	Sở Tư pháp	234	156	0	0	0	390
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	57	116	1	1	0	175
14	Sở Xây dựng	131	73	1	1	0	206
15	Sở Y tế	118	116	1	0	0	235
16	Công an tỉnh	91	81	0	0	0	172
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.367</b>	<b>3.457</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	<b>5.841</b>
	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>40,52</b>	<b>59,19</b>	<b>0,14</b>	<b>0,15</b>	<b>0,00</b>	<b>100,00</b>



# BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VIỆC GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**PHỤ LỤC IIIa**



(Ban hành kèm theo Báo cáo số 03/BC-TTHC ngày 17/2019 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng)

STT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong kỳ	Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ	MẪU PHIẾU SỐ 1						MẪU PHIẾU SỐ 2					Tổng cộng
				Chấm điểm đánh giá đối với cán bộ, công chức, viên chức						Chấm điểm đánh giá đối với cơ quan, đơn vị và trách nhiệm người đứng đầu					
				Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3	Chỉ số 4	Chỉ số 7	Tổng cộng	Chỉ số 5	Chỉ số 6	Chỉ số 8	Chỉ số 9	Tổng cộng	
10]	11]	12]	13]	14]	15]	16]	17]	18]	19]	110]	111]	112]	113]	114]	115]
1	Sở Thông tin và Truyền thông	22	21	1,9	2,0	2,0	2,0	1,9	9,7	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,7
2	Sở Công Thương	373	372	1,7	1,7	2,0	2,0	1,7	9,1	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	16,1
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	80	79	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0
4	Sở Giao thông vận tải	5.057	5.057	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	1,0	6,0	16,0
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	489	476	1,8	1,8	2,0	2,0	1,8	9,4	1,0	2,0	2,0	1,0	6,0	15,4
6	Sở Khoa học và Công nghệ	3	3	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0
7	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	180	180	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0
8	Sở Nội vụ	254	244	1,9	1,9	1,9	1,9	1,9	9,5	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,5
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	521	493	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0
10	Sở Tài chính	142	133	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	1,0	6,0	16,0
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	72	49	1,7	1,7	1,7	1,7	1,7	8,5	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	13,5
12	Sở Tư pháp	1.320	1.125	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	135	131	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0
14	Sở Xây dựng	134	91	2,0	2,0	1,4	1,7	2,0	9,1	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,1
15	Sở Y tế	188	188	2,0	2,0	1,9	2,0	2,0	9,9	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,9
16	Công an tỉnh	67	66	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0

**PHỤ LỤC IIIb**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VIỆC GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 03/BC-TTHC ngày 17/2019 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng)



STT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong kỳ	Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ	MẪU PHIẾU SỐ 1						MẪU PHIẾU SỐ 2					Tổng cộng
				Chấm điểm đánh giá đối với cán bộ, công chức, viên chức						Chấm điểm đánh giá đối với cơ quan, đơn vị và trách nhiệm người đứng đầu					
				Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3	Chỉ số 4	Chỉ số 7	Tổng cộng	Chỉ số 5	Chỉ số 6	Chỉ số 8	Chỉ số 9	Tổng cộng	
[0]	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
1	Sở Thông tin và Truyền thông	14	13	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0
2	Sở Công Thương	762	667	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	17,0
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	97	94	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0
4	Sở Giao thông vận tải	7.748	6.846	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	763	747	1,9	1,9	2,0	2,0	1,9	9,7	1,0	2,0	2,0	2,0	7,0	16,7
6	Sở Khoa học và Công nghệ	5	5	1,6	1,6	2,0	2,0	1,6	8,8	1,0	2,0	2,0	1,0	6,0	14,8
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	264	227	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0
8	Sở Nội vụ	255	248	1,9	1,9	2,0	2,0	1,9	9,7	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,7
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.138	1.113	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0
10	Sở Tài chính	210	192	2,0	2,0	1,9	2,0	2,0	9,9	1,0	2,0	2,0	1,0	6,0	15,9
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	109	99	1,8	1,8	1,7	1,7	1,8	8,8	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	13,8
12	Sở Tư pháp	2.107	1.815	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	191	187	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0
14	Sở Xây dựng	259	218	2,0	2,0	1,5	1,6	2,0	9,1	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,1
15	Sở Y tế	548	407	2,0	2,0	1,9	2,0	2,0	9,9	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	14,9
16	Công an tỉnh	107	103	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	10,0	1,0	2,0	2,0	0,0	5,0	15,0

**PHỤ LỤC IV**

**BẢNG THỐNG KÊ TÌNH HÌNH CẤP NHẬP QUÝ TRÌNH NỘI BỘ CỦA CÁC SỞ, NGÀNH TRÊN PHẦN MỀM  
(CÁC ĐƠN VỊ CÙNG CẤP ĐẾN THỜI ĐIỂM 28/6/2019)**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 03 /BC-TTHC ngày 17/7/2019 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên đơn vị	Tổng số TTHC hiện hành được niêm yết tại Trung tâm (TTHC)	Số Quy trình nội bộ hiện hành được duyệt (QT)	Tình hình cấp nhật trên Hệ thống một cửa (QT)	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Ghi chú
1	Sở Thông tin và Truyền thông	41				Chưa ban hành
2	Sở Công Thương	114	52	52	100	QT nội bộ tính theo ngày và giờ
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	52	45	0	0	QT nội bộ tính theo giờ
4	Sở Giao thông vận tải	92	92	0	0	QT nội bộ tính theo giờ
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	123	5	0	0	QT nội bộ tính theo ngày và giờ. Tất cả TTHC (trừ thủ tục cấp chủ trương đầu tư) đều xử lý trên phần mềm của Bộ KH và DT.
6	Sở Khoa học và Công nghệ	40	37	37	100	QT nội bộ tính theo ngày và giờ
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	76	76	76	100	QT nội bộ tính theo ngày
8	Sở Nội vụ	84	84	70	83,3	QT tính theo ngày; 14 QT tính theo giờ chưa cập nhật được
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	98	98	98	100	QT nội bộ tính theo ngày và giờ
10	Sở Tài chính	32	32	10	31,25	QT nội bộ tính theo ngày
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	100	67	67	100	QT nội bộ tính theo ngày và giờ
12	Sở Tư pháp	134	134	134	100	QT nội bộ tính theo ngày (gom các bước xử lý)
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	119	64	46	71,9	QT nội bộ tính theo ngày và giờ
14	Sở Xây dựng	41	25	0	0	QT nội bộ tính theo ngày
15	Sở Y tế	159	65	0	0	QT nội bộ tính theo ngày
16	Công an tỉnh	6	6	6	100	QT nội bộ tính theo ngày